

Số: 1224/QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 16 tháng 11 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG**

Căn cứ Nghị quyết số 340/NQ-ĐHNT ngày 24/3/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 1008/QĐ-ĐHNT ngày 07/9/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học và cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 1222/QĐ-ĐHNT ngày 02/10/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc kiện toàn Hội đồng và Ban Thư ký phát triển chương trình đào tạo, các Tiểu ban liên ngành và Ban chủ nhiệm chương trình đào tạo trình độ đại học;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học và Trưởng phòng Đào tạo Đại học.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật xây dựng, mã số: 7580201 (2 chuyên ngành: Kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông).

**Điều 2.** Giao Khoa Xây dựng quản lý chương trình đào tạo này.

**Điều 3.** Chương trình đào tạo này áp dụng từ Khóa 63.

**Điều 4.** Ban chủ nhiệm chương trình đào tạo và các ông/bà Trưởng đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *chữ*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, ĐTDH.

**HIỆU TRƯỞNG**



*Trang Sĩ Trung*



# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

## NGÀNH: KỸ THUẬT XÂY DỰNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1224/QĐ-ĐHNT ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

### I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

a) Đơn vị được giao quản lý	Khoa Xây dựng
b) Tên chương trình	Kỹ thuật xây dựng (2 chuyên ngành: Kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông)
c) Ngành đào tạo	Kỹ thuật xây dựng
d) Mã số ngành đào tạo	7580201
e) Trình độ đào tạo	Đại học
f) Hình thức đào tạo	Chính quy
g) Thời gian đào tạo	4 năm
h) Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng Việt
i) Tên văn bằng tốt nghiệp	Cử nhân Kỹ thuật xây dựng
j) Thời gian cập nhật, điều chỉnh CTĐT	11/2021

### II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 2.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

- PEO1: Có tri thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn; bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm, đạo đức, thẩm mỹ, sức khỏe; các kỹ năng ngoại ngữ, công nghệ thông tin và các kỹ năng mềm; từ đó vận dụng vào cuộc sống, học tập và công việc sau này;
- PEO2: Có kiến thức nền tảng và chuyên sâu về các lĩnh vực khảo sát, thiết kế, tổ chức thi công, quản lý chi phí đầu tư các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- PEO3: Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp để đáp ứng yêu cầu trong hoạt động chuyên môn;
- PEO4: Có khả năng tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo và có tinh thần khởi nghiệp trong hoạt động nghề nghiệp.

#### 2.2. Ma trận tương thích giữa mục tiêu của chương trình đào tạo (PEOs) với mục tiêu giáo dục của Trường (EOs)

Mục tiêu giáo dục của Trường (EOs)	Mục tiêu của CTĐT (PEOs)			
	1	2	3	4
1. Bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm, đạo đức, thẩm mỹ và sức khỏe	x			
2. Kiến thức nền tảng và chuyên sâu về nghề nghiệp	x	x	x	
3. Kỹ năng mềm và kỹ năng chuyên môn phù hợp với nghề nghiệp		x	x	
4. Khả năng nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ		x	x	x
5. Tinh thần lập nghiệp, khả năng tự học, sáng tạo và thích ứng với môi trường hoạt động nghề nghiệp	x			x

### III. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 3.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

*Sau khi học xong chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng, sinh viên có khả năng:*

1. PLO1: Có lập trường chính trị tư tưởng, biết vận dụng lý luận chính trị, quân sự, pháp luật và các phương pháp rèn luyện sức khỏe để thực hiện nghĩa vụ công dân và phát triển bản thân;
2. PLO2: Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và tiếp cận các vấn đề thuộc lĩnh vực, ngành đào tạo;
3. PLO3: Vận dụng kỹ năng tư duy sáng tạo và các kỹ năng mềm cần thiết để làm việc và tự học suốt đời; đạt năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản để tiếp cận giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và công việc chuyên môn;
4. PLO4: Vận dụng được kiến thức chuyên ngành trong lĩnh vực xây dựng dân dụng và công nghiệp;
5. PLO5: Tham gia giải quyết thành công các công việc khảo sát, thiết kế, thi công, nghiệm thu và quản lý chi phí xây dựng các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
6. PLO6: Phân tích và giải quyết những vấn đề phát sinh liên quan đến lĩnh vực kỹ thuật xây dựng dân dụng và công nghiệp;
7. PLO7: Sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên dụng để mô phỏng, phân tích, thiết kế, triển khai kết cấu, lập tiến độ thi công và xác định chi phí đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
8. PLO8: Sử dụng các thiết bị kỹ thuật để tiến hành đo đạc, thí nghiệm, kiểm tra chất lượng vật liệu cũng như kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp;
9. PLO9: Có ý thức tự học tập, tự nghiên cứu, tư duy đổi mới sáng tạo và có tinh thần khởi nghiệp để có thể thích ứng với những điều kiện làm việc khác nhau.

#### 3.2. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

PEOs	Chuẩn đầu ra - PLOs									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	x	x	x						x	x
2		x		x	x	x	x	x		
3			x	x	x	x	x	x		x
4		x	x							x

### IV. VỊ TRÍ VIỆC LÀM

*Sau khi tốt nghiệp, các cử nhân ngành Kỹ thuật xây dựng có thể làm việc tại:*

1. Công ty tư vấn: Tư vấn khảo sát; tư vấn lập dự án, thiết kế bản vẽ thi công và lập dự toán; tư vấn thẩm tra; tư vấn giám sát thi công, kiểm định chất lượng công trình;

2. Công ty xây lắp: Thi công xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa các công trình dân dụng – công nghiệp: nhà ở dân dụng, trường học bệnh viện, chung cư, khách sạn;
3. Các tổ chức quản lý hành chính, quản lý hoạt động đầu tư xây dựng, các cơ quan quản lý liên quan đến lĩnh vực xây dựng, các ban quản lý dự án;
4. Các cơ sở nghiên cứu và quản lý khoa học công nghệ xây dựng: Các trung tâm, viện nghiên cứu, các phòng thí nghiệm;
5. Các cơ sở đào tạo cán bộ kỹ thuật và công nhân trong lĩnh vực xây dựng công trình: Các trường đại học, cao đẳng, trung cấp nghề xây dựng, trung tâm đào tạo nghiệp vụ xây dựng.

#### V. QUY ĐỊNH TUYỂN SINH, ĐÀO TẠO VÀ TỐT NGHIỆP

<b>Thông tin tuyển sinh</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT và các hình thức khác</li> <li>- Phạm vi tuyển sinh: Trong cả nước</li> <li>- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp THPT</li> </ul>
<b>Điều kiện nhập học</b>	Thí sinh đủ các điều kiện xét tuyển vào trường theo quy định hiện hành.
<b>Quy định đào tạo</b>	Chi tiết tại website: <a href="http://www.ntu.edu.vn">www.ntu.edu.vn</a>
<b>Điều kiện tốt nghiệp</b>	Chi tiết tại website: <a href="http://www.ntu.edu.vn">www.ntu.edu.vn</a>

#### VI. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Nội dung	Tổng		Kiến thức bắt buộc		Kiến thức tự chọn	
		Tín chỉ	Tỷ lệ %	Tín chỉ	Tỷ lệ %	Tín chỉ	Tỷ lệ %
<b>I</b>	<b>Giáo dục tổng quát</b>	<b>56</b>	<b>38,4</b>	<b>50</b>	<b>34,2</b>	<b>6</b>	<b>4,1</b>
1	Xã hội, Nhân văn và Nghệ thuật	20	13,7	18	12,3	2	1,4
2	Toán, Tin học, Tự nhiên, CN & MT	17	11,6	15	10,3	2	1,4
3	Ngoại ngữ	8	5,5	8	5,5	0	0,0
4	Thể chất và Quốc phòng - An ninh	11	7,5	9	6,2	2	1,4
<b>II</b>	<b>Giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>90</b>	<b>61,6</b>	<b>78</b>	<b>53,4</b>	<b>12</b>	<b>8,2</b>
1	Cơ sở ngành	38	26,0	32	21,9	6	4,1
2	Ngành	42	28,8	36	24,7	6	4,1
3	Tốt nghiệp	10	6,8	10	6,8	0	0,0
	<b>Tổng cộng</b>	<b>146</b>	<b>100</b>	<b>128</b>	<b>87,7</b>	<b>18</b>	<b>12,3</b>

## VII. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

## 7.1. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	Phân bố thời lượng		HP tiên quyết	HP song hành	Phân bố từng học kỳ							
				LT	TH			1	2	3	4	5	6	7	8
<b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ</b>			146	<b>Bắt buộc</b>			17	17	15	16	17	14	14	10	
				<b>Tự chọn</b>			-	1*	2*	3*	6*	2*	4*	-	
<b>I</b>	<b>Giáo dục tổng quát</b>		56												
<b>I.1</b>	<b>Xã hội, Nhân văn và Nghệ thuật</b>		20												
<b>Các học phần bắt buộc</b>			18					5	5	2	4	2			
1	POL307	Triết học Mác - Lênin	3	45				3							
2	POL309	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30		1			2						
3	POL308	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30		1				2					
4	POL333	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		2,3				2					
5	POL310	Lịch sử ĐCSVN	2	30		2,3					2				
6	SSH313	Pháp luật đại cương	2	30				2							
7	SSH378	Tư duy phản biện	3	45					3						
8	SSH379	Ngôn ngữ học thuật	2	30						2					
<b>Các học phần tự chọn</b>			2*							2*					
9	SSH383	Khởi nghiệp & đổi mới sáng tạo	2*	30						2*					
10	ECS372	Nhập môn Kinh tế học	2*	30						2*					
11	BUA319	Nhập môn Quản trị học	2*	30						2*					
<b>I.2</b>	<b>Toán, Tin học, Tự nhiên, Công nghệ và Môi trường</b>		17												
<b>Các học phần bắt buộc</b>			15					9	3	3					
12	MAT327	Toán 1	3	45				3							
13	MAT328	Toán 2	2	30					2						
14	MAT322	Xác suất - Thống kê	3	45		12				3					
15	PHY310	Vật lý đại cương 1	3	45				3							
16	PHY311	Thực hành vật lý đại cương 1	1		15	15			1						
17	SOT381	Tin học đại cương A (LT+TH)	3	30	15			3							
<b>Các học phần tự chọn</b>			2*							2*					
18	BIO321	Sinh học đại cương B (LT)	2*	30						2*					
19	EPM320	Con người và môi trường	2*	30						2*					
20	ENE318	Môi trường và phát triển	2*	30						2*					
21	ENE334	Biến đổi khí hậu	2*	30						2*					
<b>I.3</b>	<b>Ngoại ngữ</b>		8					4	4						
22		Ngoại ngữ 1	4	60				4							
23		Ngoại ngữ 2	4	60		22			4						
<b>I.4</b>	<b>Thể chất và Quốc phòng - An ninh</b>		11												
<b>Các học phần bắt buộc</b>			9					1							

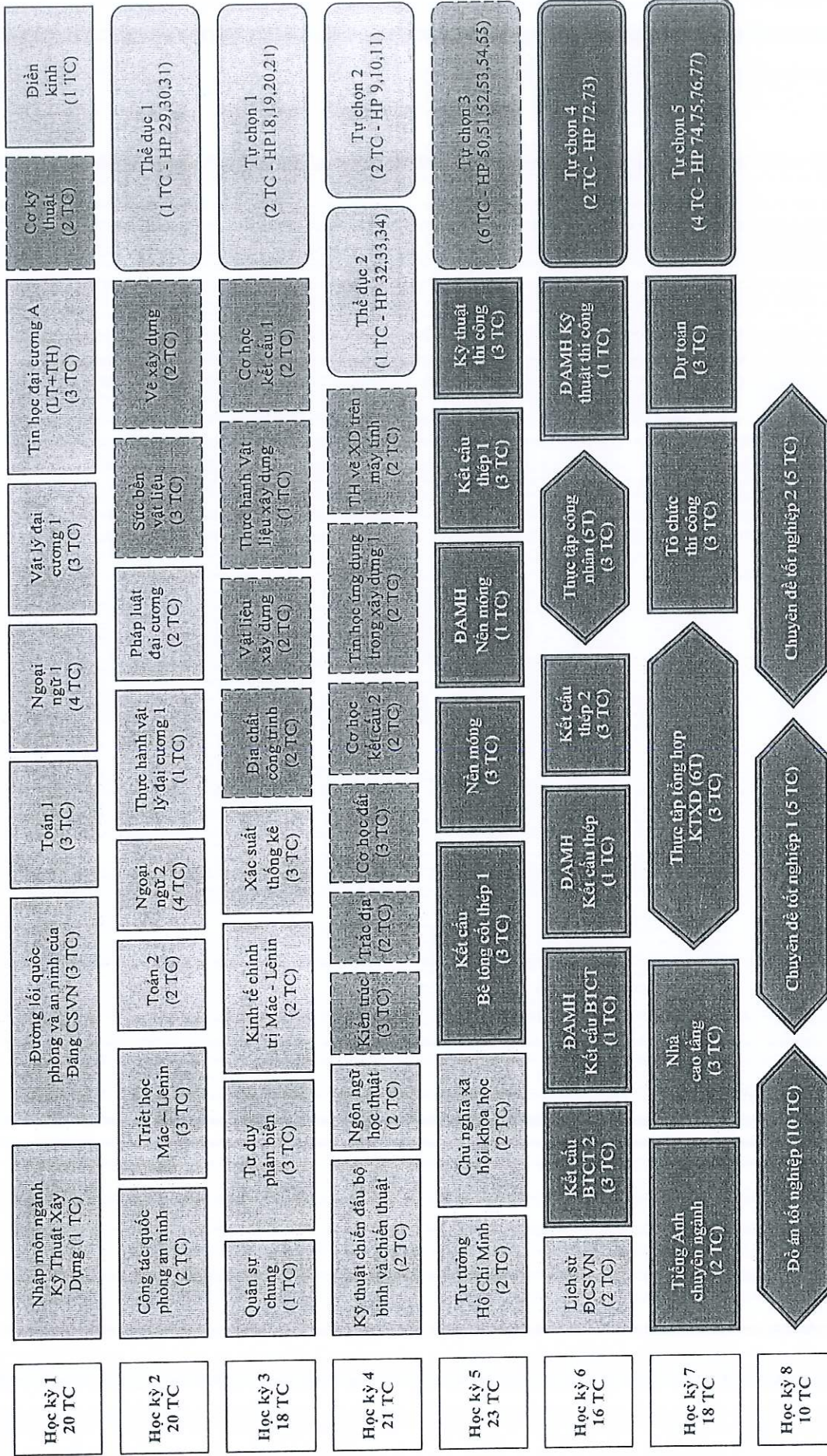
TT	Mã HP	Tên học phần	TC	Phân bố thời lượng		HP tiên quyết	HP song hành	Phân bố từng học kỳ							
				LT	TH			1	2	3	4	5	6	7	8
24	QPAD011	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng CSVN	3	45				8 <sup>1</sup>							
25	QPAD02	Công tác quốc phòng - an ninh	2	30											
26	QPAD033	Quân sự chung	1	15											
27	QPAD044	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	30											
28	85065	Điền kinh	1	15				1							
<b>Các học phần tự chọn</b>			<b>2*</b>						<b>1*</b>		<b>1*</b>				
29	85097	Bóng đá	1*	5	10				1*						
30	85098	Bóng chuyền	1*	5	10				1*						
31	85105	Cầu lông	1*	5	10				1*						
32	85108	Taekwondo	1*	5	10						1*				
33	85066	Bơi lội	1*	5	10						1*				
34	851111	Aerobic	1*	5	10						1*				
<b>II</b>	<b>Giáo dục chuyên nghiệp</b>		<b>90</b>												
<b>II.1</b>	<b>Cơ sở ngành</b>		<b>38</b>												
<b>Các học phần bắt buộc</b>			<b>32</b>					<b>3</b>	<b>5</b>	<b>7</b>	<b>14</b>	<b>3</b>			
35		Nhập môn ngành Kỹ thuật xây dựng	1	15				1							
36		Cơ kỹ thuật	2	30				2							
37		Sức bền vật liệu	3	45		36			3						
38		Cơ học kết cấu 1	2	30		37				2					
39		Cơ học kết cấu 2	2	30		38					2				
40		Cơ học đất	3	45							3				
41		Trắc địa	2	30							2				
42		Vật liệu xây dựng	2	30						2					
43		Thực hành vật liệu xây dựng	1		15		42				1				
44		Địa chất công trình	2	30						2					
45		Kiến trúc	3	45							3				
46		Tin học ứng dụng trong xây dựng 1	2	15	15	38					2				
47		Vẽ xây dựng	2	30					2						
48		Thực hành vẽ xây dựng trên máy tính	2	15	15	47					2				
49		Kết cấu Bê tông cốt thép 1	3	45		37						3			
<b>Các học phần tự chọn</b>			<b>6*</b>									<b>6*</b>			

<sup>1</sup> Nhóm học phần QP-AN được bố trí học tập trung thời gian ngắn từ học kỳ 1 - 4 (không tính vào số tín chỉ từng học kỳ).

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	Phân bố thời lượng		HP tiên quyết	HP song hành	Phân bố từng học kỳ								
				LT	TH			1	2	3	4	5	6	7	8	
50		Máy xây dựng	2*	30									2*			
51		Phương pháp số trong cơ học	2*	30									2*			
52		Luật Xây dựng	2*	30									2*			
53		Phương pháp luận NCKH	2*	30									2*			
54		Cấp thoát nước	2*	30									2*			
55		An toàn lao động	2*	30									2*			
<b>II.2 Ngành</b>			<b>42</b>													
<b>Các học phần bắt buộc</b>			<b>36</b>										<b>10</b>	<b>12</b>	<b>14</b>	
56		Dự toán	3	45		65									3	
57		Tiếng anh chuyên ngành	2	30											2	
58		Nền móng	3	45		40							3			
59		Đồ án môn học nền móng	1	15			58						1			
60		Kết cấu bê tông cốt thép 2	3	45		49								3		
61		Đồ án môn học kết cấu bê tông cốt thép	1	15			49							1		
62		Kết cấu thép 1	3	45		38							3			
63		Kết cấu thép 2	3	45		62								3		
64		Đồ án môn học kết cấu thép	1	15			62							1		
65		Kỹ thuật thi công	3	45									3			
66		Đồ án môn học Kỹ thuật thi công	1	15		65								1		
67		Tổ chức thi công	3	45		65									3	
68		Nhà cao tầng	3	45		60									3	
69		Thực tập công nhân (5 tuần)	3	45		65								3		
70		Thực tập tổng hợp kỹ thuật xây dựng (6 tuần)	3	45		69									3	
<b>Các học phần tự chọn</b>			<b>6*</b>											<b>2*</b>	<b>4*</b>	
71		Các giải pháp nền móng hợp lý	2*	30		58								2*		
72		Động lực học công trình	2*	30		39								2*		
73		Kết cấu bê tông ứng lực trước	2*	30		49									2*	
74		Tin học ứng dụng trong xây dựng 2	2*	30		46									2*	
75		Xử lý sự cố công trình	2*	30		65									2*	
76		Thí nghiệm công trình.	2*	30		43									2*	
<b>II.2 Tốt nghiệp</b>			<b>10</b>													<b>10</b>
Đồ án TN (10TC) hoặc 2 chuyên đề (2x5TC)			10													10

Ghi chú: Các tín chỉ có dấu "\*" là của HP tự chọn.

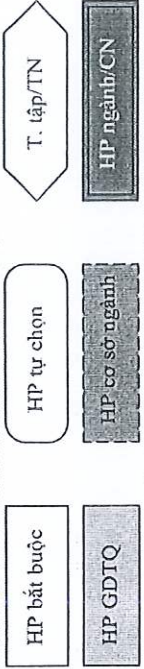
**7.2. Lưu đồ đào tạo**



**Chú:**

(1) Các biểu thị của hình dạng khung:

(2) Chỉ thị màu/Viền:











#### 7.4. Cách thức đánh giá kết quả học tập

Theo quy chế đào tạo trình độ đại học hiện hành của Trường Đại học Nha Trang.

### VIII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN VÀ TỔ CHỨC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mỗi năm học, Nhà trường tổ chức 3 học kỳ, bao gồm hai học kỳ chính và một học kỳ phụ (học kỳ hè).

Nhà trường công bố kế hoạch học tập của cả năm học trước khi năm học mới bắt đầu.


Căn cứ kế hoạch học tập theo từng năm học/học kỳ và kế hoạch đào tạo theo thời gian của chương trình đào tạo, Phòng Đào tạo Đại học và Cố vấn học tập tư vấn sinh viên đăng ký các học phần bắt buộc và lựa chọn các học phần tự chọn phù hợp.

### IX. HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ SINH VIÊN

Trong quá trình thực hiện khoá học, sinh viên được hỗ trợ nhiều hoạt động từ Khoa/Viện, Bộ môn và Trung tâm Quan hệ doanh nghiệp & Hỗ trợ sinh viên, cụ thể:

- Tham quan thực tế tại cơ sở sản xuất ngay sau khi nhập học;
- Ở ký túc xá nếu sinh viên có nhu cầu;
- Mượn và đọc tài liệu miễn phí; sử dụng wifi miễn phí trong toàn trường;
- Tham gia các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động Đoàn thanh niên và Hội sinh viên tổ chức; các CLB chuyên môn, kỹ năng mềm;
- Được sử dụng các dịch vụ khác nước uống, căn tin, y tế,...

TRƯỞNG KHOA/VIỆN

  
Nguyễn Đăng Xiêm

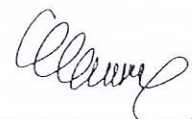
BAN CHỦ NHIỆM CTĐT

  
Lê Thanh Cao

HIỆU TRƯỞNG

  
Trương Thị Trung

HĐ PHÁT TRIỂN CTĐT

  
Quách Hữu Nam